

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 10 năm 2026

Dự báo nguồn nước, xây dựng kế hoạch phân phối, sử dụng nước trong công trình thủy lợi, phục vụ sản xuất nông nghiệp, phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn, ngập lụt, úng vùng Đồng bằng sông Cửu Long mùa lũ năm 2026

BẢN TIN TUẦN 18
DIỄN BIẾN NGUỒN NƯỚC ĐẾN NGÀY 28/10/2026, DỰ BÁO
NGUỒN NƯỚC TỪ NGÀY 29/10 ĐẾN NGÀY 07/11/2026

I DIỄN BIẾN THỜI TIẾT, SẢN XUẤT, NGUỒN NƯỚC ĐẾN NGÀY 28/10/2026

1.1 Diễn biến thời tiết

1.1.1 Diễn biến mưa trên lưu vực sông Mê Công

Theo kết quả quan trắc của Trung tâm Đại dương và Khí quyển Quốc gia Hoa Kỳ (NOAA): Đặc trưng thời tiết từ ngày 21/10 – 27/10/2026, trên lưu vực sông Mê Công ảnh hưởng chủ yếu bởi gió mùa Tây Nam. Hình thái thời tiết này gây mưa ở mức rất thấp trên lưu vực, lượng mưa biến đổi phổ biến từ 5 – 25 mm, chỉ một số nơi trên 25 mm, [xem Hình 2].

1.1.2 Diễn biến mưa trên vùng ĐBSCL

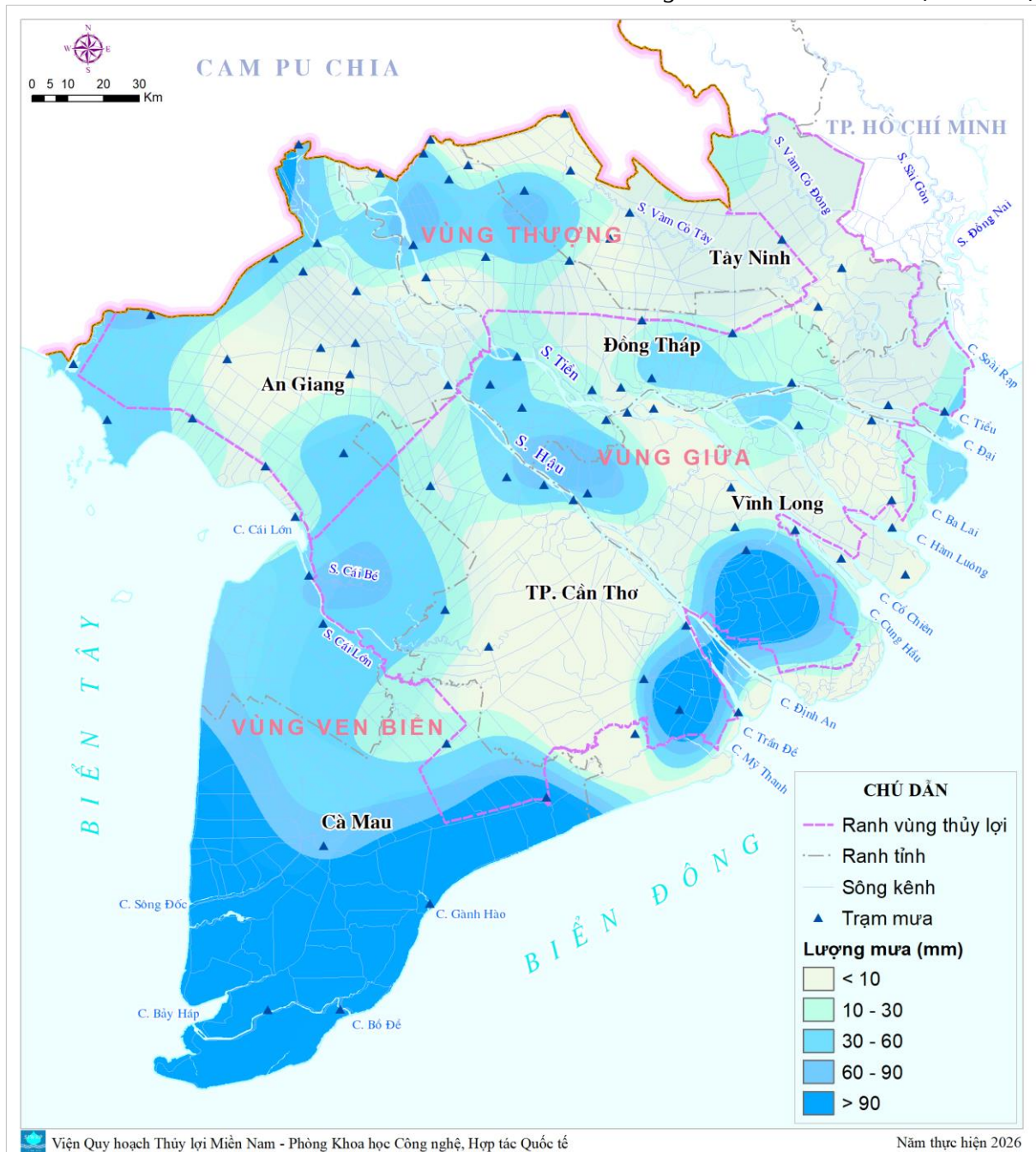
Lượng mưa lũy tích từ ngày 22/10 – 28/10/2026 trên vùng ĐBSCL ở mức thấp phổ biến từ 10 - 60 mm, chỉ riêng khu vực ven biển tỉnh Cà Mau lượng mưa ở mức cao, điển hình trạm Bạc Liêu (tỉnh Cà Mau) lượng mưa 126,2 mm, [xem Bảng 1 và Hình 1].

Bảng 1. Lượng mưa ngày thực đo tuần qua tại các trạm chính trên vùng ĐBSCL

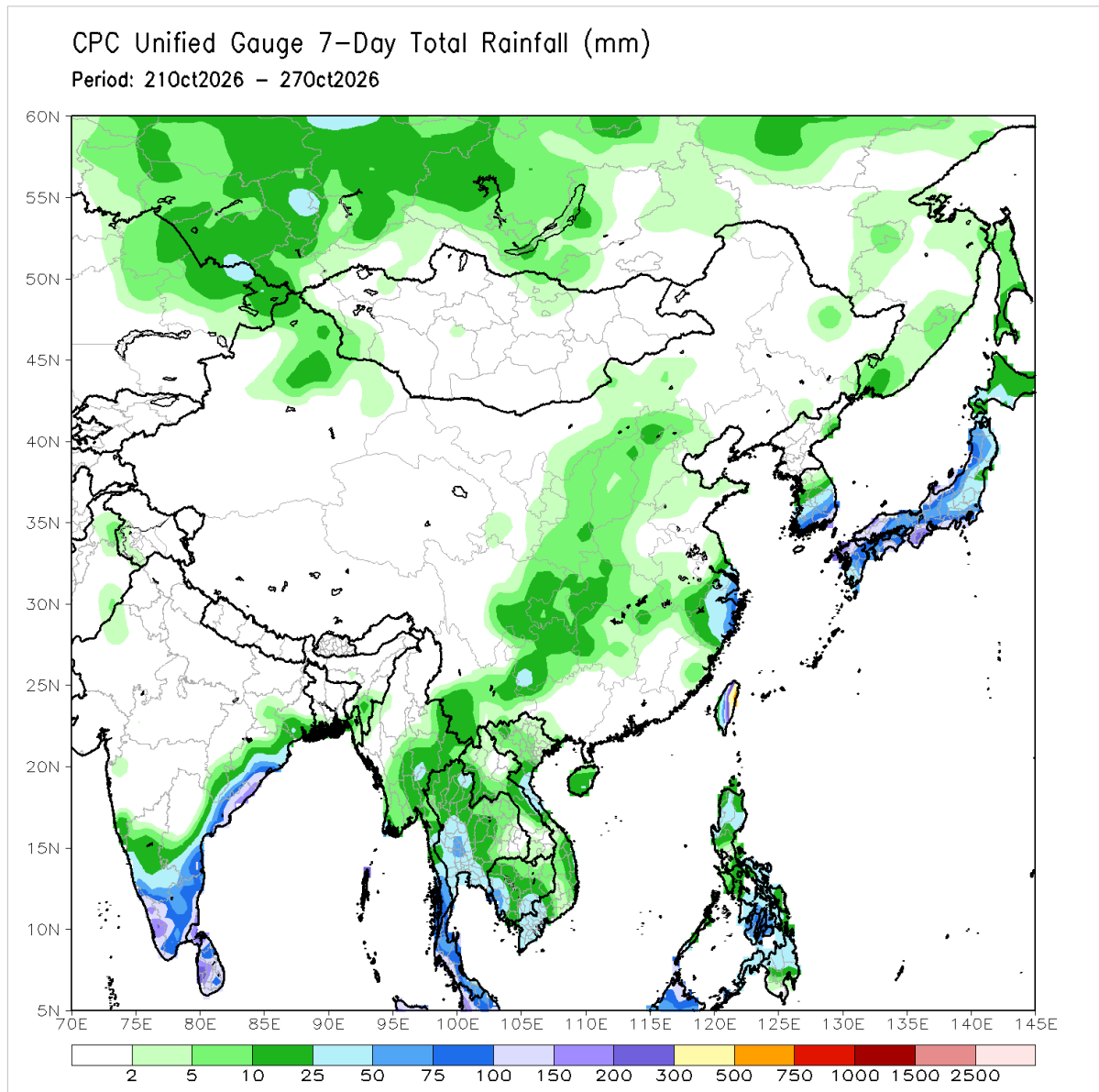
TT	Trạm	Tỉnh	Mưa thực đo (mm)							Lũy tích tuần
			22/10	23/10	24/10	25/10	26/10	27/10	28/10	
1	Mộc Hóa	Tây Ninh	7,2	0,0	0,0	0,0	0,0	0,9	0,0	8,1
2	Mỹ Tho	Đồng Tháp	5,0	23,2	0,1	0,0	0,0	0,0	0,0	28,3
3	Bến Tre	Vĩnh Long	23,2	0,8	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	24,0
4	Trà Vinh	Vĩnh Long	5,5	2,8	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	8,3
5	Vĩnh Long	Vĩnh Long	0,6	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	4,8	5,4
6	Cao Lãnh	Cần Thơ	0,0	16,4	0,0	2,2	0,2	10,6	2,0	31,4

TT	Trạm	Tỉnh	Mưa thực đo (mm)							Lũy tích tuần
			22/10	23/10	24/10	25/10	26/10	27/10	28/10	
7	Vị Thanh	Cần Thơ	0,0	6,0	18,2	0,0	0,0	0,4	6,0	30,6
8	Cần Thơ	Cần Thơ	4,8	6,0	27,0	0,0	0,0	0,0	0,0	37,8
9	Sóc Trăng	Cần Thơ	28,2	4,4	18,6	0,0	0,0	0,0	0,0	51,2
10	Rạch Giá	An Giang	0,0	0,0	7,6	0,0	0,0	3,0	0,2	10,8
11	Bạc Liêu	Cà Mau	32,4	49,8	8,2	0,0	0,0	16,0	19,8	126,2
12	Cà Mau	Cà Mau	15,6	6,3	4,1	0,0	0,0	20,0	34,6	80,6
Trung bình			10,2	9,6	7,0	0,2	0,0	4,2	5,6	36,9

Nguồn: Đài KTTV Khu vực Nam bộ



Hình 1. Bản đồ mưa lũy tích từ ngày 22/10 – 28/10/2026 trên vùng ĐBSCL

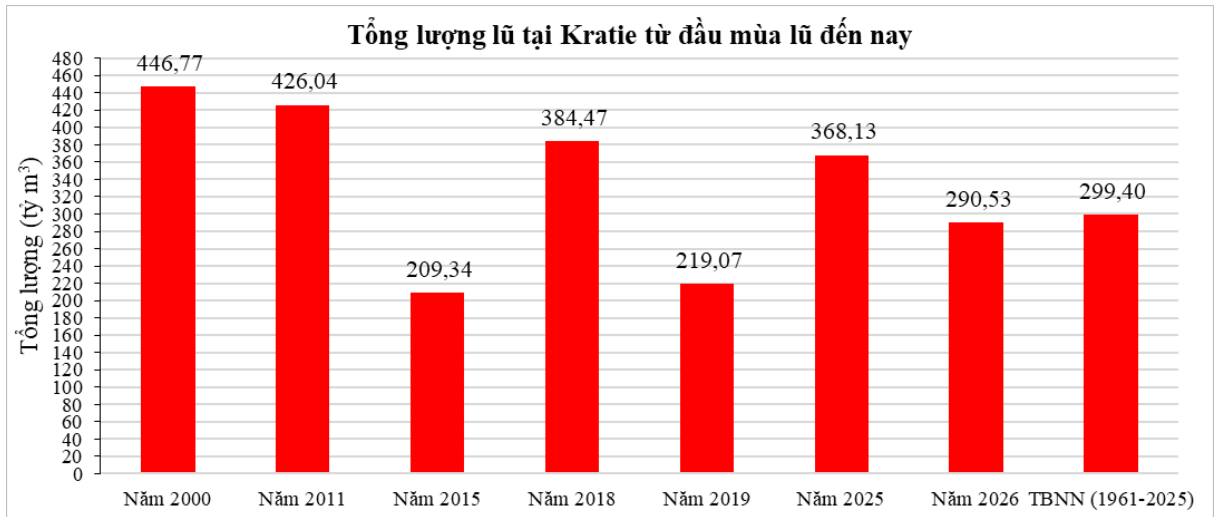


Nguồn: <http://www.cpc.ncep.noaa.gov>

Hình 2. Bản đồ mưa lũy tích tuần từ ngày 21/10 – 27/10/2026 trên lưu vực sông Mê Công

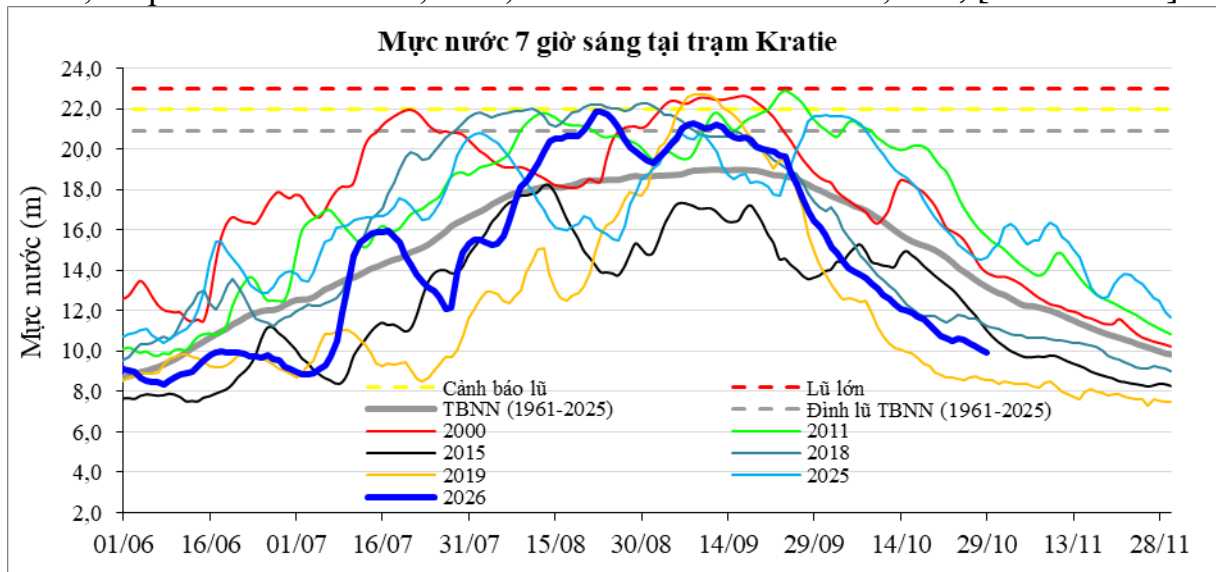
1.2 Diễn biến nguồn nước vào vùng ĐBSCL đến ngày 28/10/2026

Tại Kratie: Tổng lượng từ ngày 01/6 đến 29/10/2026 tại Kratie đạt 290,53 tỷ m³. So với cùng kỳ: nhỏ hơn trung bình nhiều năm (TBNN(1961-2025)) khoảng 3%; nhỏ hơn năm 2025 khoảng 21%; nhưng vẫn cao hơn năm 2015 và 2019 khoảng 33-39%, [xem Hình 3].



Hình 3. Tổng lượng lũ tại Kratie từ 01/6 đến ngày 29/10/2026

Mức nước tại Kratie trong tuần qua ở mức thấp và có xu thế giảm với cường suất trung bình 9,3 cm/ngày. Đến ngày 29/10/2026, mức nước lúc 7 giờ đo được tại Kratie là 9,92 m; so với cùng kỳ: thấp hơn nhiều TBNN (1961-2025) và năm 2025; thấp hơn năm 2015 1,14 m; chỉ cao hơn năm 2019 1,37m, [xem Hình 4].

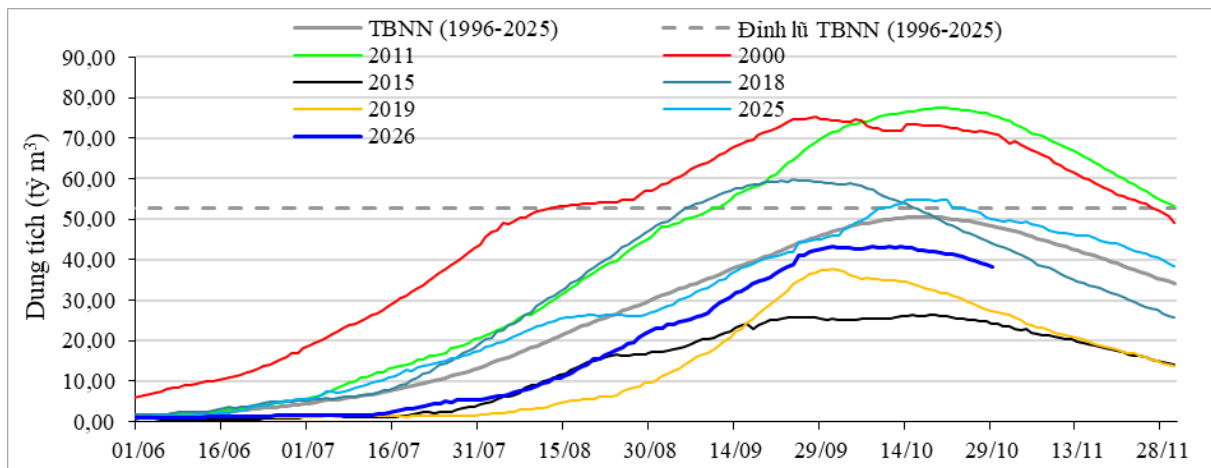


Hình 4. Diễn biến mực nước tại Kratie đến ngày 29/10/2026

Tại Biển Hồ: Dung tích Biển Hồ tuần qua ở mức thấp và có xu thế giảm với cường suất trung bình 0,44 tỷ m³/ngày. Đến ngày 29/10/2026 dung tích đạt 38,20 tỷ m³. So với cùng kỳ: thấp hơn nhiều TBNN (1996-2025) khoảng 21%; thấp hơn năm 2025 khoảng 24%; nhưng cao hơn các năm 2019 và năm 2015, [xem Bảng 2 và Hình 5].

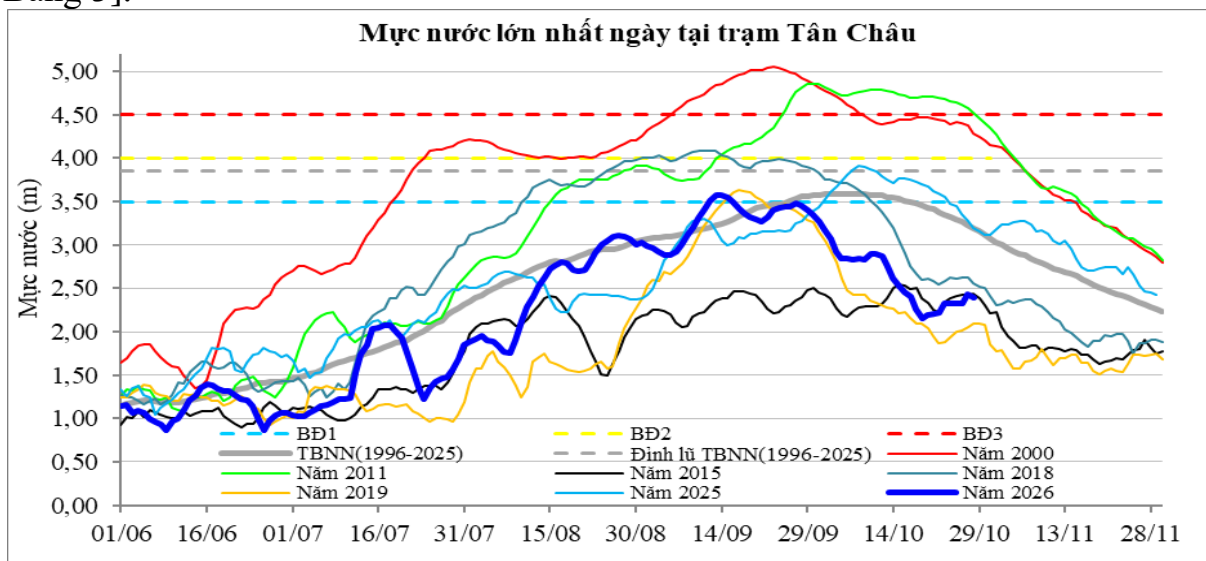
Bảng 2. Mức nước và dung tích Biển Hồ đến ngày 29/10/2026 so với cùng kỳ các năm điển hình

TT	Đặc trưng mực nước & dung tích	Mức nước và dung tích Biển Hồ							
		2026	2025	2019	2018	2015	2011	2000	TBNN (1996-2025)
1	Mức nước (m)	7,26	8,37	6,09	7,84	5,72	10,40	10,08	8,22
	<i>So sánh cùng kỳ các năm</i>		-1,11	1,17	-0,58	1,54	-3,14	-2,82	-0,96
2	Dung tích (tỷ m ³)	38,21	50,13	27,23	44,21	24,21	75,71	71,28	48,40
	<i>So sánh cùng kỳ các năm</i>		-11,92	10,98	-6,00	14,00	-37,50	-33,07	-10,19



Hình 5. Diễn biến dung tích Biển Hồ đến ngày 29/10/2026

Tại Tân Châu: Mức nước chịu ảnh hưởng bởi cả lũ thượng nguồn và thủy triều. Mức nước tại trạm Tân Châu trong tuần qua ở mức thấp và có xu thế tăng với cường suất trung bình 3,0 cm/ngày. Đến ngày 28/10/2026, mực nước tại trạm Tân Châu đạt 2,39 m; so với cùng kỳ: thấp hơn nhiều TBNN (1961-2025) và năm 2025; thấp hơn năm 2015 0,05 m; chỉ cao hơn năm 2019 0,30 m, [xem Hình 6 và Bảng 3].



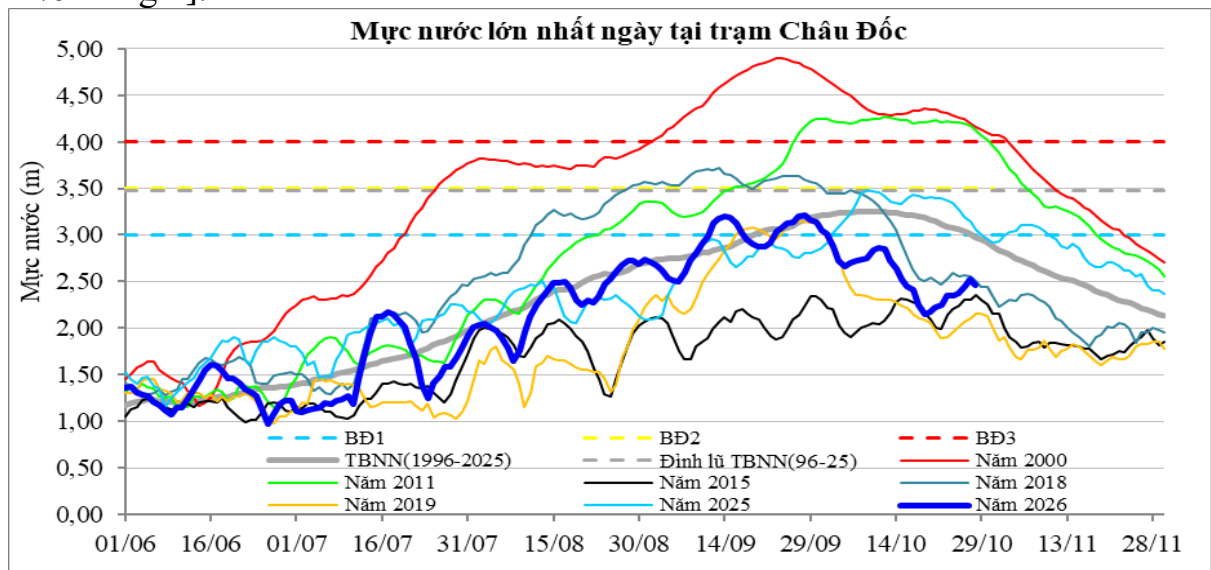
Hình 6. Diễn biến mực nước Max ngày tại trạm Tân Châu đến ngày 28/10/2026

Bảng 3. Mức nước Max ngày tuần qua tại trạm Tân Châu năm 2026 so với cùng kỳ các năm điển hình

Đơn vị: m

Ngày	2026	2025	2019	2018	2015	2011	2000	Hmax ngày TBNN (1996-2025)	Chênh lệch 2026-TBNN	Chênh lệch 2026-2025
22/10	2,22	3,62	1,87	2,54	2,23	4,70	4,45	3,38	-1,16	-1,40
23/10	2,33	3,59	1,88	2,58	2,34	4,69	4,43	3,35	-1,02	-1,26
24/10	2,33	3,55	1,93	2,63	2,38	4,66	4,39	3,32	-0,99	-1,22
25/10	2,33	3,48	2,00	2,61	2,41	4,64	4,42	3,30	-0,97	-1,15
26/10	2,32	3,45	2,02	2,62	2,43	4,62	4,41	3,27	-0,95	-1,13
27/10	2,43	3,35	2,05	2,62	2,43	4,58	4,38	3,24	-0,81	-0,92
28/10	2,39	3,27	2,09	2,56	2,44	4,52	4,28	3,20	-0,81	-0,88

Tại Châu Đốc: Mức nước chịu ảnh hưởng bởi cả lũ thượng nguồn và thủy triều. Mức nước tại trạm Châu Đốc trong tuần qua ở mức thấp và có xu thế tăng với cường suất trung bình 4,0 cm/ngày. Đến ngày 28/10/2026, mức nước tại trạm Châu Đốc đạt 2,46 m. So với cùng kỳ: thấp hơn nhiều TBNN (1961-2025) và năm 2025; nhưng cao hơn năm 2015 0,11 m và cao hơn năm 2019 0,31 m, [xem Hình 7 và Bảng 4].



Hình 7. Diễn biến mức nước Max ngày tại trạm Châu Đốc đến ngày 28/10/2026

Bảng 4. Mức nước Max ngày tuần qua tại trạm Châu Đốc năm 2026 so với cùng kỳ các năm điển hình

Đơn vị: m

Ngày	2026	2025	2019	2018	2015	2011	2000	Hmax ngày TBNN (1996-2025)	Chênh lệch 2026-TBNN	Chênh lệch 2026-2025
22/10	2,25	3,40	1,89	2,47	1,99	4,21	4,32	3,12	-0,87	-1,15
23/10	2,35	3,37	1,91	2,53	2,14	4,22	4,31	3,09	-0,74	-1,02
24/10	2,35	3,35	1,95	2,59	2,20	4,21	4,28	3,08	-0,73	-1,00
25/10	2,37	3,27	2,02	2,56	2,24	4,21	4,26	3,06	-0,69	-0,90

Ngày	2026	2025	2019	2018	2015	2011	2000	Hmax ngày TBNN (1996-2025)	Chênh lệch 2026-TBNN	Chênh lệch 2026-2025
26/10	2,45	3,20	2,07	2,57	2,31	4,20	4,24	3,04	-0,59	-0,75
27/10	2,52	3,14	2,11	2,55	2,31	4,17	4,19	3,01	-0,49	-0,62
28/10	2,46	3,05	2,15	2,50	2,35	4,12	4,16	2,98	-0,52	-0,59

1.3 Diễn biến mực nước nội đồng vùng ĐBSCL

1.3.1 Vùng Thượng ĐBSCL

Mực nước trong tuần qua ở mức thấp và có xu thế giảm nhẹ trên khu vực các trạm giáp biên giới chịu ảnh hưởng mạnh bởi lũ và tăng nhẹ theo triều ở các trạm bị ảnh hưởng mạnh bởi triều, [xem Bảng 5].

Bảng 5. Diễn biến mực nước Max ngày tuần qua (22/10-28/10/2026) trên vùng Thượng ĐBSCL

Đơn vị: m

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H_max thực đo	Xu thế
1	Tân Châu*	P. Tân Châu	An Giang	S. Tiền	2,22→2,43	↑
2	Châu Đốc*	P. Châu Đốc	An Giang	S. Hậu	2,25→2,52	↑
3	Sông Trăng	Hưng Điền	Tây Ninh	K. Sông Trăng	-	
4	Vàm Đồn	Khánh Hưng	Tây Ninh	K. Cái Cỏ	1,70→1,58	↓
5	Tân Hưng	Tân Hưng	Tây Ninh	K. Hồng Ngự - LA	1,93→1,81	↓
6	Vĩnh Hưng	Vĩnh Hưng	Tây Ninh	K. 28	1,90→1,78	↓
7	Mộc Hóa	Mộc Hóa	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Tây	1,47→1,34	↓
8	Tuyên Nhơn	Thanh Hóa	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Tây	1,11→1,17	↑
9	T.Thới Hậu A	P. Thường Lạc	Đồng Tháp	S. Sở Thượng	2,35→2,44	↑
10	Dinh Bà	Tân Hộ Cơ	Đồng Tháp	K. Sở Hạ	2,06→2,02	↓
11	Tân Hồng	Tân Hộ Cơ	Đồng Tháp	K. Phước Xuyên	-	
12	Tân Công Sính	Tràm Chim	Đồng Tháp	K. Hồng Kỳ	-	
13	An Long	An Long	Đồng Tháp	K. Đồng Tiến	2,20→2,45	↑
14	Trường Xuân	Trường Xuân	Đồng Tháp	K. Phước Xuyên	1,80→1,73	↓
15	Mỹ An	Tháp Mười	Đồng Tháp	K. NV Tiếp	1,55→1,66	↑
16	Xuân Tô	P. Tịnh Biên	An Giang	K. Vĩnh Tế	2,04→1,57	↓
17	Khánh An	An Phú	An Giang	S. Bình Ghi	2,82→2,68	↓
18	Tri Tôn	Tri Tôn	An Giang	K. Tri Tôn	1,39→1,25	↓
19	Vàm Nao	Phú Tân	An Giang	S. Vàm Nao	2,09→2,41	↑
20	Long Xuyên	P. Long Xuyên	An Giang	S. Hậu	2,07→2,43	↑
21	Núi Sập	Thoại Sơn	An Giang	K. RG - Long Xuyên	1,42→1,37	↓
22	Vĩnh Điều	Giang Thành	An Giang	K. Vĩnh Tế	1,22→1,10	↓
23	Hòa Điền	Kiên Lương	An Giang	K. RG - Hà Tiên	-	
24	Ba Thê	Hòn Đất	An Giang	K. Ba Thê	-	

Ghi chú: * số liệu dự báo của Trung tâm khí tượng thủy văn quốc gia; -: Không có số liệu
Trong cột H_{max} thực đo: Chỉ thể hiện 2 đặc trưng lớn nhất và nhỏ nhất trong tuần qua.

1.3.2 Vùng Giữa ĐBSCL

Mức nước trong tuần qua mức nước có xu thế tăng khá mạnh theo triều vọt cường suất trung bình 5,1 cm/ngày và đạt đỉnh kỳ triều cường vào ngày 28/10/2026 ở mức cao phổ biến trên BĐIII từ 0,05 – 0,2 m, triều cường gây ngập nhiều khu vực trên vùng Giữa vào các ngày từ 27/10 đến 29/10/2026, [xem Bảng 6].

Bảng 6. Diễn biến mực nước Max ngày tuần qua (22/10-28/10/2026) trên vùng Giữa ĐBSCL

Đơn vị: m

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H _{max} thực đo	Xu thế
1	Cần Thơ	P. Cái Khế	Cần Thơ	S. Hậu	1,65→2,10	↑
2	Mỹ Thuận	P. Tân Ngãi	Vĩnh Long	S. Tiền	1,58→2,05	↑
3	Tân Lập	Tân Long	Tây Ninh	K. Bo Bo	-	
4	Bến Lức	Bến Lức	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Đông	1,24→1,60	↑
5	Tân An	P. Long An	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Tây	1,46→1,84	↑
6	Cai Lậy	Cai Lậy	Đồng Tháp	K. 12	1,41→1,68	↑
7	Long Định	Long Định	Đồng Tháp	K. Nguyễn Tấn Thành	1,12→1,36	↑
8	Mỹ Tho	P. Mỹ Tho	Đồng Tháp	S. Tiền	1,34→1,90	↑
9	Vàm Kênh	Gò Công Đông	Đồng Tháp	S. Cửa Tiểu	1,16→1,68	↑
10	Chợ Lách	Chợ Lách	Vĩnh Long	S. Hàm Luông	1,53→2,03	↑
11	Mỹ Hóa	P. Bến Tre	Vĩnh Long	S. Hàm Luông	1,34→1,82	↑
12	G1	Châu Thành	Vĩnh Long	S. Giao Hòa	-	
13	Cao Lãnh	Cao Lãnh	Đồng Tháp	S. Tiền	1,85→2,27	↑
14	Lai Vung	Lai Vung	Đồng Tháp	K. Hòa Long	1,89→2,29	↑
15	Ba Càng	Tam Bình	Vĩnh Long	S. Ba Càng	1,58→1,47	↓
16	G2	Quới An	Vĩnh Long	S. Măng Thít	-	
17	G3	Trà Ôn	Vĩnh Long	S. Măng Thít	-	
18	G4	Tân An	Vĩnh Long	S. An Trường	-	
19	Tân Hiệp	Tân Hiệp	An Giang	K. Cái Sắn	0,95→0,88	↓
20	Ô Môn	P. Ô Môn	Cần Thơ	K. Ô Môn	-	
21	Cờ Đỏ	Cờ Đỏ	Cần Thơ	K. Thốt Nốt	1,18→1,14	↓
22	Vị Thanh	P. Vị Thanh	Cần Thơ	K. Xà No	0,86→0,90	↑
23	Phụng Hiệp	P. Ngã Bảy	Cần Thơ	S. Cái Côn	1,50→1,76	↑
24	Đại Ngãi	Long Phú	Cần Thơ	S. Hậu	1,44→2,01	↑
25	G5	P. Ngã Năm	Cần Thơ	K. QL - Phụng Hiệp	-	
26	Phước Long	Phước Long	Cà Mau	K. QL - Phụng Hiệp	1,05→1,00	↓
27	Giồng Riềng	Giồng Riềng	An Giang	K. Nước Mặn	-	

Ghi chú: - Không có số liệu

Trong cột H_{max} thực đo: Chỉ thể hiện 2 đặc trưng lớn nhất và nhỏ nhất trong tuần qua.

1.3.3 Vùng Ven Biển ĐBSCL

Mực nước trong tuần qua có xu thế tăng khá mạnh theo triều vọt cường suất trung bình 5,1 cm/ngày và đạt đỉnh kỳ triều cường vào ngày 28/10/2026 phổ biến trên BĐIII từ 0,02 – 0,20 m. Trong đó đặc biệt có trạm Cà Mau mực nước đỉnh triều đạt 1,26 m cao hơn BĐIII 0,41 m. Các trạm ven biển Tây mực nước ở mức thấp hơn phổ biến từ BĐI-BĐII. Triều cường kết hợp mưa lớn cục bộ gây ngập nhiều khu vực trên vùng Ven Biển vào các ngày từ 27/10 đến 29/10/2026, trong đó ngập nghiêm trọng nhất xảy ra trên địa bàn trung tâm Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau, [xem Bảng 7].

Bảng 7. Diễn biến mực nước Max ngày tuần qua (22/10-28/10/2026) trên vùng Ven Biển ĐBSCL

Đơn vị: m

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H_{max} thực đo	Xu thế
1	Bình Đại	Bình Đại	Vĩnh Long	S. Cửa Đại	1,30→1,87	↑
2	An Thuận	Tân Thủy	Vĩnh Long	S. Hàm Luông	1,30→1,86	↑
3	Bến Trại	Thanh Phong	Vĩnh Long	S. Cổ Chiên	1,43→1,90	↑
4	Trà Vinh	P. Hòa Thuận	Vĩnh Long	S. Cổ Chiên	1,62→2,12	↑
5	VB1	Đôn Châu	Vĩnh Long	K. Quan Chánh Bó	-	
6	Trần Đề	Trần Đề	Cần Thơ	S. Mỹ Thanh	1,79→2,36	↑
7	VB2	P. Khánh Hòa	Cần Thơ	S. Mỹ Thanh	-	
8	VB4	Giá Rai	Cà Mau	K. CM - Bạc Liêu	-	
9	VB3	P. Bạc Liêu	Cà Mau	S. Bạc Liêu	-	
10	Cà Mau	P. Lý Văn Lâm	Cà Mau	S. Gành Hào	1,03→1,26	↑
11	Năm Căn	Ngọc Hiển	Cà Mau	S. Cửa Lớn	1,27→1,77	↑
12	Sông Đốc	Trần Văn Thời	Cà Mau	S. Ông Đốc	0,76→1,13	↑
13	VB5	Thới Bình	Cà Mau	S. Trẹm	-	
14	Rạch Giá	P. Rạch Giá	An Giang	S. Kiên	0,49→0,73	↑
15	Xẻo Rô	Châu Thành	An Giang	S. Cái Lớn	0,42→0,86	↑
16	Vàm Răng	Hòn Đất	An Giang	K. RG - Hà Tiên	0,80→0,89	↑
17	Vàm Rầy	Hòn Đất	An Giang	K. HT - Rạch Giá	1,18→0,98	↓
18	VB7	An Minh	An Giang	K. Cán Gáo	-	
19	VB6	Vĩnh Thuận	An Giang	S. Cái Lớn	-	

Ghi chú: - Không có số liệu

Trong cột H_{max} thực đo: Chỉ thể hiện 2 đặc trưng lớn nhất và nhỏ nhất trong tuần qua.

1.4 Diễn biến sản xuất lúa

Năm 2026, kế hoạch xuống giống vụ lúa Hè Thu trên ĐBSCL là 1.472.822

ha, xấp xỉ diện tích xuống giống năm 2025. Ngày 24/7/2026, vùng ĐBSCL đã kết thúc xuống giống với diện tích 1.466.057 ha (đạt 99,5% so với kế hoạch. Đến nay đồng bằng đã kết thúc thu hoạch lúa Hè Thu với diện tích khoảng 1.464.928 ha (đạt 99,9% so với diện tích xuống giống).

Kế hoạch xuống giống vụ lúa Thu Đông năm 2026 là 763.601 ha (bao gồm cả phần diện tích ngoài vùng ĐBSCL của tỉnh Tây Ninh do chưa tách riêng được phần sản xuất lúa thuộc vùng ĐBSCL). Hiện tại đã xuống giống được 655.265 ha (tương đương 86% so với kế hoạch). Tại một số tỉnh như Tây Ninh, Đồng Tháp, An Giang và Vĩnh Long đã thực hiện thu hoạch được khoảng 121.823 ha, đạt 19% diện tích xuống giống [xem 0].

Ngoài ra, một số tỉnh như Tây Ninh, Đồng Tháp, An Giang và Cà Mau đã bắt đầu xuống giống vụ Đông Xuân 2026 – 2027 với tổng diện tích khoảng 113.748 ha.

Diễn biến sản xuất vụ lúa Hè Thu và Thu Đông đến ngày 23/10/2026

TT	Địa phương	Vụ Hè Thu (ha)		Vụ Thu Đông (ha)			
		Xuống giống	Thu hoạch	Kế hoạch xuống giống	Xuống giống	Thu hoạch	Chưa thu hoạch
1	Tây Ninh	267.120	265.996	124.500	100.158	27.191	72.968
2	Đồng Tháp	216.381	216.381	149.500	126.148	86.927	39.221
3	Vĩnh Long	104.697	104.697	109.600	92.482	946	91.536
4	An Giang	499.700	499.700	247.700	205.634	6.760	198.874
5	Cần Thơ	284.022	284.022	98.250	99.764	-	99.764
6	Cà Mau	94.137	94.132	34.051	31.080	-	31.080
Tổng		1.466.057	1.464.928	763.601	655.265	121.823	533.442

* Diện tích sản xuất của cả tỉnh Tây Ninh sau sáp nhập

Nguồn: Cục trồng trọt và Bảo vệ thực vật

1.5 Tình hình ngập úng, thiệt hại do mưa, lũ và triều cường

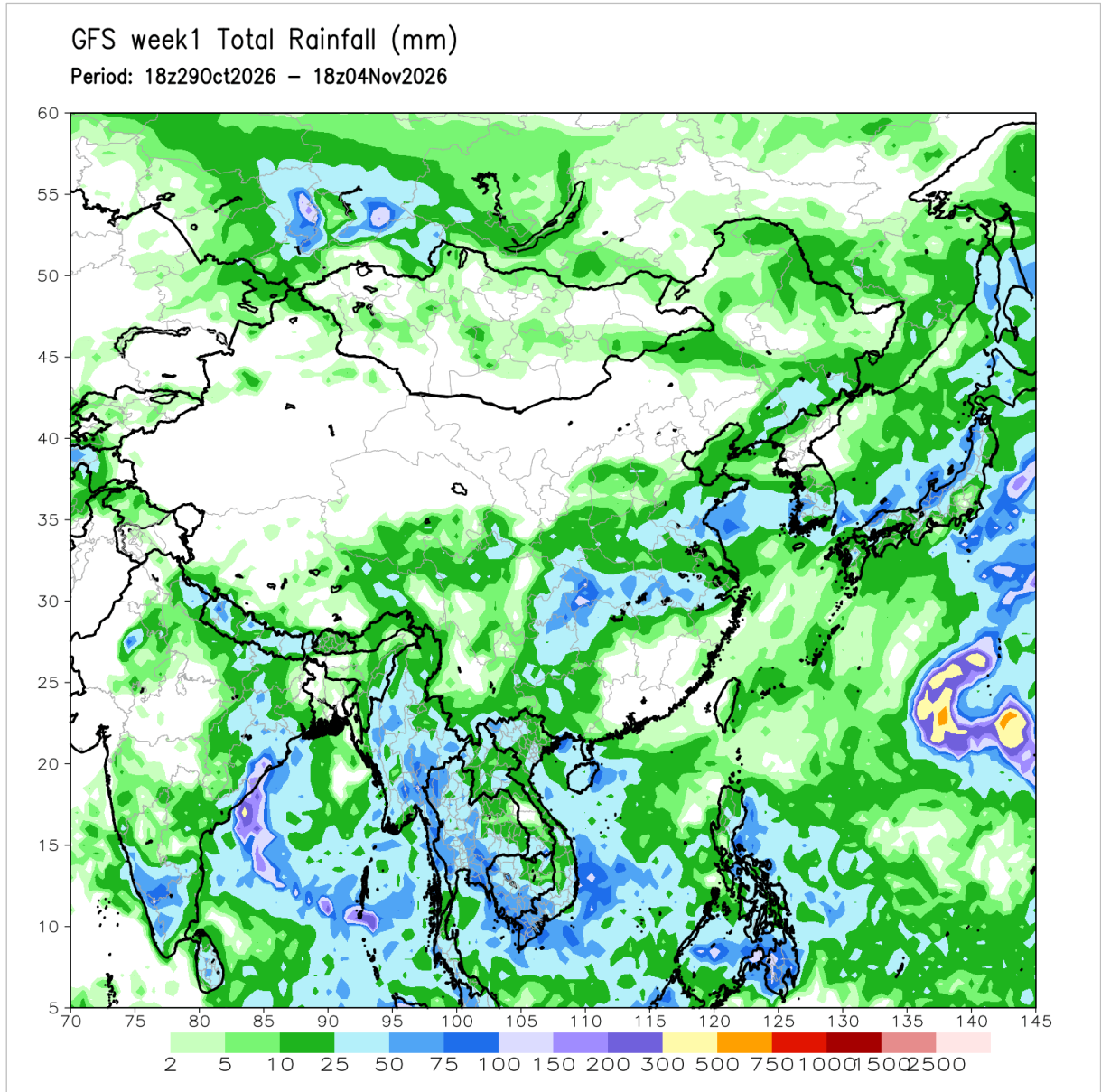
Kết quả giải đoán ảnh vệ tinh MODIS ngày 16/10/2026 cho thấy, trên lưu vực hạ lưu sông Mê Công diện tích ngập vẫn duy trì ở mức cao trên các khu vực ven sông thuộc 2 tỉnh Prey Veng và Takeo của Campuchia. Riêng vùng ĐBSCL diện tích ngập đã có xu thế giảm so với các ảnh ngập trước đây đặc biệt trên khu vực ĐTM thuộc tỉnh Tây Ninh và Đồng Tháp do lũ giảm người dân chủ động bơm vơi để xuống giống vụ Đông Xuân.

Một số khu vực thuộc các tỉnh Cà Mau, An Giang, Vĩnh Long xuất hiện các điểm ngập nước là do nuôi trồng thủy sản ở các khu vực ven biển, [xem Hình 8].

II DỰ BÁO MƯA, LŨ THUỜNG NGUỒN VÀ THỦY TRIỀU

2.1 Dự báo mưa trên lưu vực sông Mê Công

Theo kết quả dự báo của Trung tâm Đại dương và Khí quyển Quốc gia Hoa Kỳ (NOAA): Lượng mưa ngày dự báo tuần tới trên lưu vực hạ lưu sông Mê Công ở mức thấp, phổ biến dưới 25 mm, chỉ một số nơi trên 25 mm, [xem Hình 9].



Nguồn: <http://www.cpc.ncep.noaa.gov>

Hình 9. Dự báo mưa lũy tích tuần tới từ ngày 29/10 - 04/11/2026 khu vực hạ lưu sông Mê Công

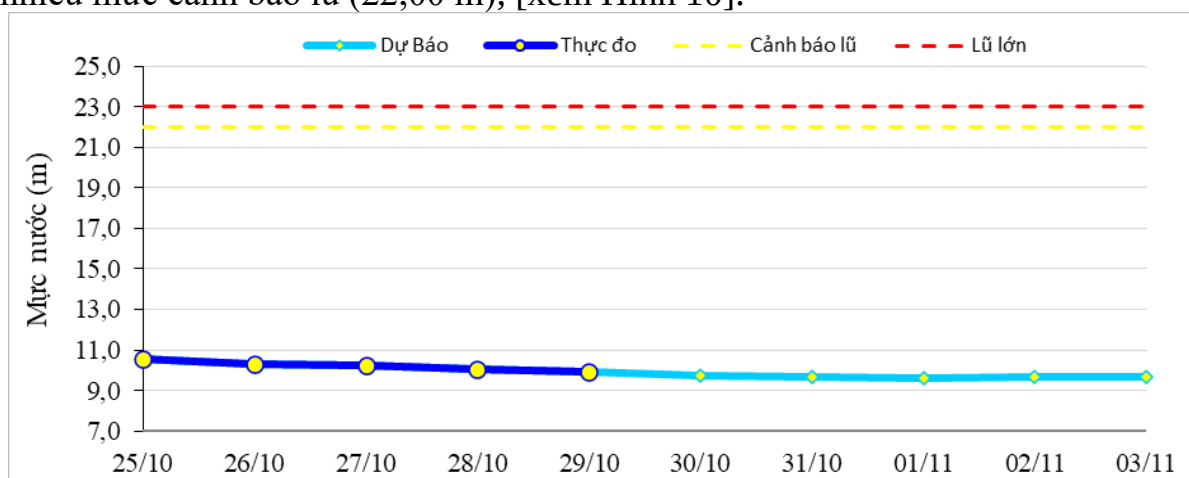
Theo kết quả Downscaling từ mô hình dự báo mưa toàn cầu NOAA, mưa dự báo trên vùng ĐBSCL lũy tích trong 7 ngày tới ở mức trung bình phổ biến từ 60-80 mm, lượng mưa cao nhất tập trung vào ngày 01/11, [xem Bảng 8].

Bảng 8. Dự báo mưa 7 ngày tới tại một số trạm chính trên vùng ĐBSCL

TT	Trạm	Tỉnh	Mưa dự báo (mm)							Lũy tích tuần
			30/10	31/10	01/11	02/11	03/11	04/11	05/11	
1	Mộc Hóa	Tây Ninh	4,8	6,8	15,8	5,9	7,6	2,5	9,1	52,6
2	Mỹ Tho	Đồng Tháp	6,5	10,2	18,2	7,0	8,2	4,7	9,7	64,4
3	Bến Tre	Vĩnh Long	8,5	9,9	17,3	6,2	8,4	6,4	9,7	66,4
4	Trà Vinh	Vĩnh Long	10,7	12,5	12,1	6,7	4,0	8,4	9,9	64,4
5	Vĩnh Long	Vĩnh Long	5,6	7,8	18,0	6,6	5,8	6,3	8,4	58,4
6	Cao Lãnh	Cần Thơ	6,6	5,5	19,9	8,0	7,2	7,4	6,8	61,2
7	Vị Thanh	Cần Thơ	6,4	8,9	13,4	10,7	14,0	13,1	11,1	77,5
8	Cần Thơ	Cần Thơ	5,4	6,9	17,1	6,5	6,1	15,9	5,8	63,6
9	Sóc Trăng	Cần Thơ	12,4	14,4	5,8	9,5	5,6	7,0	9,7	64,4
10	Rạch Giá	An Giang	11,2	4,1	14,7	12,9	12,8	10,4	7,7	74,0
11	Bạc Liêu	Cà Mau	11,7	12,1	9,9	10,9	11,0	10,8	8,4	74,8
12	Cà Mau	Cà Mau	10,3	5,9	9,8	7,1	16,6	17,2	14,6	81,6
Trung bình			8,3	8,7	14,3	8,2	8,9	9,2	9,2	66,9

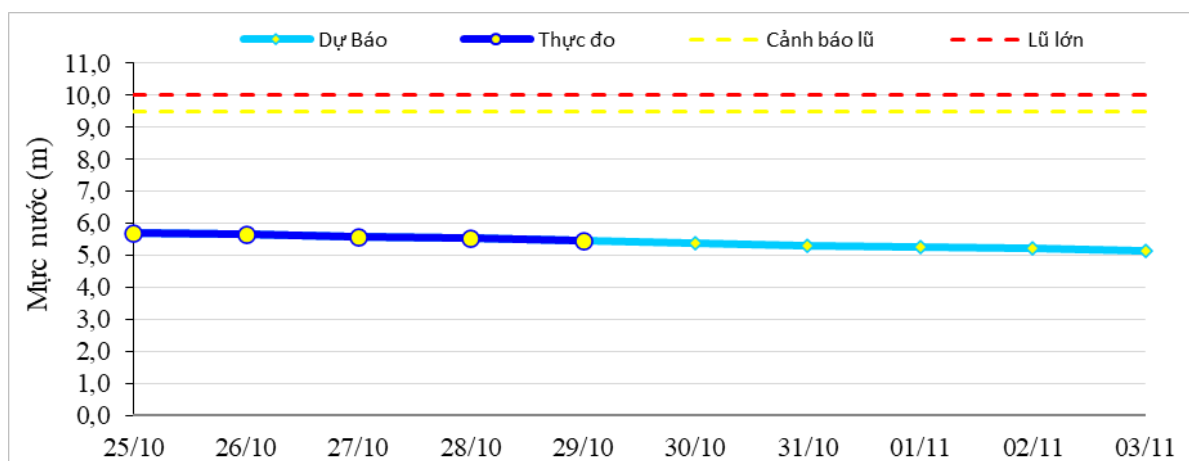
2.2 Dự báo mực nước thượng lưu

Trạm Kratie: Theo kết quả dự báo của Ủy hội sông Mê Công (MRC) cho thấy, mực nước 7 giờ tại trạm Kratie trong 5 ngày tới có xu thế giảm với cường suất trung bình 5,2 cm/ngày, dự báo đến ngày 03/11/2026 đạt 9,66 m, thấp hơn nhiều mức cảnh báo lũ (22,00 m), [xem Hình 10].



Hình 10. Dự báo mực nước 5 ngày từ 30/10-03/11/2026 tại Kratie

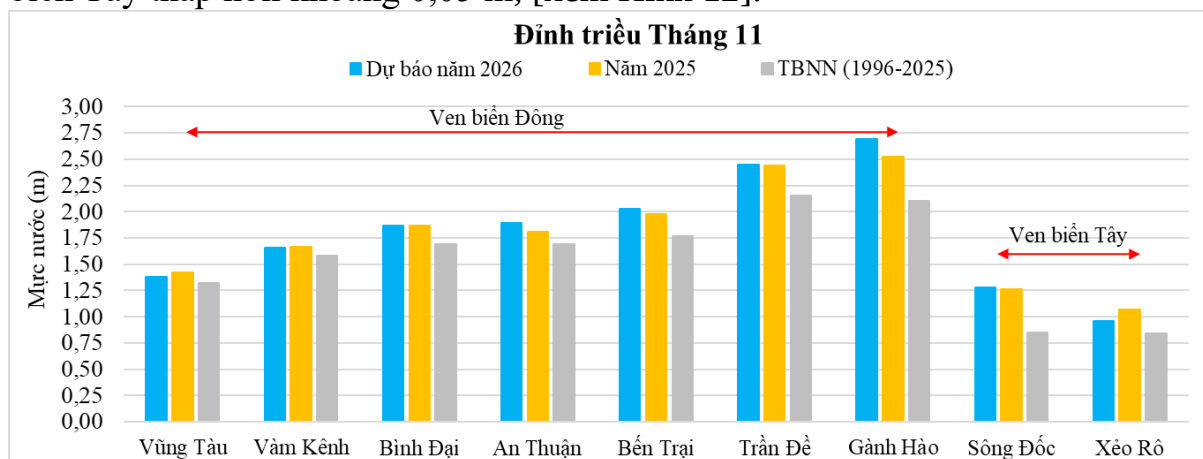
Trạm Prek Kdam: Mực nước 7 giờ tại trạm Prek Kdam trong 5 ngày tới có xu thế giảm với cường suất trung bình 5,8 cm/ngày, dự báo đến ngày 03/11/2026 đạt 5,15 m, thấp hơn nhiều mức cảnh báo lũ (9,50 m), [xem Hình 11].



Hình 11. Dự báo mực nước 5 ngày từ 30/10-03/11/2026 tại Prek Kdam

2.3 Dự báo mực nước thủy triều

Triều hiện đang ở mức cao và dự báo có xu thế giảm trong tuần tới, sau đó tăng trở lại. Theo kết quả dự báo triều của viện Kỹ thuật Biển, đỉnh triều dự báo tháng 11 năm 2026 phổ biến cao hơn khá nhiều TBNN (1996-2025), xấp xỉ và cao hơn cùng kỳ năm 2025. Cụ thể, cao hơn TBNN (1996-2025) bình quân khoảng 0,25 m, trong đó khu vực các trạm ven biển Đông cao hơn 0,24 m, khu vực các trạm ven biển Tây cao hơn 0,27 m. Cao hơn năm 2025 bình quân khoảng 0,02 m, trong đó khu vực các trạm ven biển Đông cao hơn 0,04 m, khu vực các trạm ven biển Tây thấp hơn khoảng 0,05 m, [xem Hình 12].



Hình 12. Mực nước dự báo Max tháng 11 năm 2026 và cùng kỳ các năm

Trong tháng 11 năm 2026 có 2 đợt triều cường. Đợt 1 đỉnh rơi vào các ngày giữa tháng từ ngày 11-13/11, đợt 2 đỉnh rơi vào các ngày cuối tháng từ ngày 25-27/11 là đỉnh cao nhất tháng, cao hơn khá nhiều so với đợt 1, [xem Bảng 9].

Bảng 9. Đặc trưng mực nước triều dự báo tháng 10 năm 2026

TT	Trạm	Đỉnh triều đợt 1 (m)	Ngày đạt	Đỉnh triều đợt 2 (m)	Ngày đạt
1	Vũng Tàu	1,15	10/11	1,38	25/11

TT	Trạm	Đỉnh triều đợt 1 (m)	Ngày đạt	Đỉnh triều đợt 2 (m)	Ngày đạt
2	Vàm Kênh	1,42	11/11	1,66	27/11
3	Bình Đại	1,65	11/11	1,87	27/11
4	An Thuận	1,61	11/11	1,89	27/11
5	Bến Trại	1,70	11/11	2,03	27/11
6	Trần Đề	2,06	13/11	2,45	26/11
7	Gành Hào	2,30	12/11	2,69	27/11
8	Sông Đốc	1,11	12/11	1,28	27/11
9	Xẻo Rô	0,76	11/11	0,96	27/11

Nguồn: Viện Kỹ thuật Biển

III DỰ BÁO MỨC NƯỚC NỘI ĐỒNG VÙNG ĐBSCL

3.1 Mạng lưới trạm dự báo

Tổng số các trạm dự báo mực nước trên vùng ĐBSCL là 70 trạm, gồm 4 trạm trên dòng chính và 66 trạm trong vùng nội đồng [xem Hình 13].

- Trạm Tân Châu (trên sông Tiền), Châu Đốc (trên sông Hậu), do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương thực hiện dự báo. Trạm Mỹ Thuận (trên sông Tiền) và Cần Thơ (trên sông Hậu) do Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam dự báo.

- Trong khu vực nội đồng gồm 66 trạm do Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam dự báo được chia thành 3 vùng:

- + Vùng Thượng ĐBSCL bao gồm 22 trạm
- + Vùng Giữa ĐBSCL bao gồm 25 trạm
- + Vùng Ven Biển bao gồm 19 trạm.



Hình 13. Bản đồ vị trí các trạm dự báo nguồn nước vùng DBSCL

3.2 Dự báo mực nước trong 10 ngày tới (từ ngày 29/10 đến 07/11/2026)

3.2.1 Vùng Thượng DBSCL

Theo Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, mực nước đầu nguồn sông Cửu Long tại trạm Tân Châu và Châu Đốc được dự báo có xu thế giảm trong 05 ngày tới. Đến ngày 02/11/2026, tại Tân Châu đạt 2,15 m, tại Châu Đốc đạt 2,20 m.

Dự báo 10 ngày tới, mực nước các trạm nội đồng vùng Thượng ở mức thấp và có xu thế giảm với cường suất trung bình 2,0 cm/ngày, [xem Bảng 10].

Bảng 10. Diễn biến mực nước dự báo ở các trạm nội đồng vùng Thượng ĐBSCL

Đơn vị: m

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H_max dự báo	Xu thế
1	Tân Châu*	P. Tân Châu	An Giang	S. Tiền	2,35→2,15	↓
2	Châu Đốc*	P. Châu Đốc	An Giang	S. Hậu	2,42→2,20	↓
3	Sông Trăng	Hung Điền	Tây Ninh	K. Sông Trăng	1,60→1,44	↓
4	Vàm Đồn	Khánh Hưng	Tây Ninh	K. Cái Cỏ	1,57→1,44	↓
5	Tân Hưng	Tân Hưng	Tây Ninh	K. Hồng Ngự - LA	1,80→1,64	↓
6	Vĩnh Hưng	Vĩnh Hưng	Tây Ninh	K. 28	1,77→1,64	↓
7	Mộc Hóa	Mộc Hóa	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Tây	1,35→1,21	↓
8	Tuyên Nhơn	Thanh Hóa	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Tây	1,19→1,03	↓
9	T.Thới Hậu A	P. Thường Lạc	Đồng Tháp	S. Sở Thượng	2,44→2,10	↓
10	Dinh Bà	Tân Hộ Cơ	Đồng Tháp	K. Sở Hạ	2,11→1,87	↓
11	Tân Hồng	Tân Hộ Cơ	Đồng Tháp	K. Phước Xuyên	1,76→1,49	↓
12	Tân Công Sính	Tràm Chim	Đồng Tháp	K. Hồng Kỳ	1,71→1,46	↓
13	An Long	An Long	Đồng Tháp	K. Đồng Tiến	2,40→2,11	↓
14	Trường Xuân	Trường Xuân	Đồng Tháp	K. Phước Xuyên	1,76→1,60	↓
15	Mỹ An	Tháp Mười	Đồng Tháp	K. NV Tiếp	1,68→1,50	↓
16	Xuân Tô	P. Tịnh Biên	An Giang	K. Vĩnh Tế	1,60→1,31	↓
17	Khánh An	An Phú	An Giang	S. Bình Ghi	2,64→2,15	↓
18	Tri Tôn	Tri Tôn	An Giang	K. Tri Tôn	1,28→1,08	↓
19	Vàm Nao	Phú Tân	An Giang	S. Vàm Nao	2,35→2,08	↓
20	Long Xuyên	P. Long Xuyên	An Giang	S. Hậu	2,34→2,07	↓
21	Núi Sập	Thoại Sơn	An Giang	K. RG - Long Xuyên	1,43→1,31	↓
22	Vĩnh Điều	Giang Thành	An Giang	K. Vĩnh Tế	1,14→1,04	↓
23	Hòa Điền	Kiên Lương	An Giang	K. RG - Hà Tiên	0,63→0,42	↓
24	Ba Thê	Hòn Đất	An Giang	K. Ba Thê	1,26→1,13	↓

*Ghi chú: * số liệu dự báo của Trung tâm khí tượng thủy văn quốc gia
Trong cột H_max dự báo: Chỉ thể hiện 2 đặc trưng lớn nhất và nhỏ nhất trong 10 ngày tới.*

3.2.2 Vùng Giữa ĐBSCL

Dự báo 10 ngày tới, mực nước các trạm có xu thế giảm theo triều với cường suất trung bình 2,5 cm/ngày xuống mức thấp. Chỉ riêng khu vực trạm Vị Thanh và trạm Phụng Hiệp (Tp. Cần Thơ), trạm Phước Long (tỉnh Cà Mau) mực nước duy trì và biến đổi ở mức cao trên BĐIII, [xem Bảng 11].

Bảng 11. Diễn biến mực nước dự báo ở các trạm nội đồng vùng Giữa ĐBSCL

Đơn vị: m

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H_max dự báo	Xu thế
1	Cần Thơ	P. Cái Khế	Cần Thơ	S. Hậu	2,03→1,65	↓
2	Mỹ Thuận	P. Tân Ngãi	Vĩnh Long	S. Tiền	1,89→1,60	↓
3	Tân Lập	Tân Long	Tây Ninh	K. Bo Bo	1,27→1,02	↓

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H_max dự báo	Xu thế
4	Bến Lức	Bến Lức	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Đông	1,51→1,31	↓
5	Tân An	P. Long An	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Tây	1,75→1,56	↓
6	Cai Lậy	Cai Lậy	Đồng Tháp	K. 12	1,63→1,43	↓
7	Long Định	Long Định	Đồng Tháp	K. Nguyễn Tấn Thành	1,43→1,19	↓
8	Mỹ Tho	P. Mỹ Tho	Đồng Tháp	S. Tiền	1,78→1,51	↓
9	Vàm Kênh	Gò Công Đông	Đồng Tháp	S. Cửa Tiểu	1,54→1,23	↓
10	Chợ Lách	Chợ Lách	Vĩnh Long	S. Hàm Luông	1,91→1,59	↓
11	Mỹ Hóa	P. Bến Tre	Vĩnh Long	S. Hàm Luông	1,75→1,52	↓
12	G1	Châu Thành	Vĩnh Long	S. Giao Hòa	1,66→1,40	↓
13	Cao Lãnh	Cao Lãnh	Đồng Tháp	S. Tiền	2,17→1,94	↓
14	Lai Vung	Lai Vung	Đồng Tháp	K. Hòa Long	2,21→1,88	↓
15	Ba Càng	Tam Bình	Vĩnh Long	S. Ba Càng	1,58→1,25	↓
16	G2	Quới An	Vĩnh Long	S. Măng Thít	1,90→1,58	↓
17	G3	Trà Ôn	Vĩnh Long	S. Măng Thít	1,82→1,54	↓
18	G4	Tân An	Vĩnh Long	S. An Trường	0,74→0,58	↓
19	Tân Hiệp	Tân Hiệp	An Giang	K. Cái Sắn	0,92→0,82	↓
20	Ô Môn	P. Ô Môn	Cần Thơ	K. Ô Môn	1,66→1,40	↓
21	Cờ Đỏ	Cờ Đỏ	Cần Thơ	K. Thốt Nốt	1,22→1,06	↓
22	Vị Thanh	P. Vị Thanh	Cần Thơ	K. Xà No	0,94→0,81	↓
23	Phụng Hiệp	P. Ngã Bảy	Cần Thơ	S. Cái Côn	1,72→1,44	↓
24	Đại Ngãi	Long Phú	Cần Thơ	S. Hậu	1,93→1,42	↓
25	G5	P. Ngã Năm	Cần Thơ	K. QL - Phụng Hiệp	0,95→0,84	↓
26	Phước Long	Phước Long	Cà Mau	K. QL - Phụng Hiệp	1,12→1,07	↓
27	Giồng Riềng	Giồng Riềng	An Giang	K. Nước Mặn	0,81→0,69	↓

Ghi chú: Trong cột H_max dự báo: Chỉ thể hiện 2 đặc trưng lớn nhất và nhỏ nhất trong 10 ngày tới.

3.2.3 Vùng Ven Biển ĐBSCL

Dự báo 10 ngày tới, mực nước các trạm có xu thế giảm theo triều với cường suất trung bình 3,5 cm/ngày xuống mức thấp. Chỉ riêng khu vực trạm Cà Mau (tỉnh Cà Mau) mực nước duy trì và biến đổi ở mức cao trên BĐIII, [xem Bảng 12].

Bảng 12. Diễn biến mực nước dự báo ở các trạm nội đồng vùng Ven Biển ĐBSCL

Đơn vị: m

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H_max dự báo	Xu thế
1	Bình Đại	Bình Đại	Vĩnh Long	S. Cửa Đại	1,73→1,42	↓
2	An Thuận	Tân Thủy	Vĩnh Long	S. Hàm Luông	1,70→1,39	↓
3	Bến Trại	Thanh Phong	Vĩnh Long	S. Cổ Chiên	1,81→1,46	↓
4	Trà Vinh	P. Hòa Thuận	Vĩnh Long	S. Cổ Chiên	1,96→1,63	↓
5	VB1	Đôn Châu	Vĩnh Long	K. Quan Chánh Bó	2,17→1,69	↓
6	Trần Đề	Trần Đề	Cần Thơ	S. Mỹ Thanh	2,32→1,73	↓
7	VB2	P. Khánh Hòa	Cần Thơ	S. Mỹ Thanh	1,80→1,42	↓
8	VB4	Giá Rai	Cà Mau	K. CM - Bạc Liêu	1,86→1,53	↓

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H_max dự báo	Xu thế
9	VB3	P. Bạc Liêu	Cà Mau	S. Bạc Liêu	1,41→1,07	↓
10	Cà Mau	P. Lý Văn Lâm	Cà Mau	S. Gành Hào	1,23→1,02	↓
11	Năm Căn	Ngọc Hiển	Cà Mau	S. Cửa Lớn	1,81→1,43	↓
12	Sông Đốc	Trần Văn Thời	Cà Mau	S. Ông Đốc	1,15→0,79	↓
13	VB5	Thới Bình	Cà Mau	S. Trẹm	0,65→0,59	↓
14	Rạch Giá	P. Rạch Giá	An Giang	S. Kiên	0,78→0,57	↓
15	Xẻo Rô	Châu Thành	An Giang	S. Cái Lớn	0,93→0,46	↓
16	Vàm Răng	Hòn Đất	An Giang	K. RG - Hà Tiên	0,91→0,79	↓
17	Vàm Rây	Hòn Đất	An Giang	K. HT - Rạch Giá	1,10→0,95	↓
18	VB7	An Minh	An Giang	K. Cán Gáo	0,57→0,52	↓
19	VB6	Vĩnh Thuận	An Giang	S. Cái Lớn	0,72→0,47	↓

Ghi chú: Trong cột H_max dự báo: Chỉ thể hiện 2 đặc trưng lớn nhất và nhỏ nhất trong 10 ngày tới.

IV KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

4.1 Kết luận

Hình thái thời tiết chủ đạo ảnh hưởng đến lưu vực hạ lưu sông Mê Công trong tuần qua là gió mùa Tây Nam gây mưa ở mức thấp trên lưu vực. Mức nước tại trạm Kratie trong tuần qua đã giảm xuống ở mức thấp, hiện thấp hơn nhiều TBNN và năm 2025, thấp hơn cùng kỳ năm 2015, chỉ cao hơn cùng kỳ năm 2019. Tổng lượng lũ tại Kratie từ đầu mùa lũ đến nay nhỏ hơn cùng kỳ TBNN khoảng 3%, nhỏ hơn cùng kỳ năm 2025 khoảng 21%, nhưng vẫn cao hơn nhiều cùng kỳ năm 2019 và 2015.

Tuần qua, mực nước đầu nguồn sông Cửu Long tại Tân Châu và Châu Đốc ở mức thấp và có xu thế tăng theo triều. Mực nước nội đồng vùng Thượng ở mức thấp và có xu thế giảm nhẹ trên khu vực các trạm giáp biên giới chịu ảnh hưởng mạnh bởi lũ và tăng nhẹ theo triều ở các trạm bị ảnh hưởng mạnh bởi triều. Mực nước vùng Giữa và vùng Ven Biển đều có xu thế tăng và đạt đỉnh kỳ triều cường vào ngày 28/10 ở mức cao phổ biến trên BĐIII làm ngập nhiều khu vực có địa hình thấp trũng và khu vực ven sông chính trên 2 vùng này trong các ngày triều cường từ 27-29/10/2026.

Mực nước dự báo 5 ngày tới trên dòng chính sông Mê Công tại trạm Kratie và trạm Prek Kdam đều có xu thế giảm; dung tích Biển Hồ trong 5 ngày tới có xu thế giảm; mực nước lớn nhất ngày tại Tân Châu và Châu Đốc dự báo trong 5 ngày tới có xu thế giảm; mưa dự báo tuần tới trên lưu vực hạ lưu sông Mê Công ở mức thấp; mưa dự báo trên vùng ĐBSCL ở mức trung bình; thủy triều dự báo có xu thế giảm trong tuần tới, sau đó tăng trở lại.

Trong 10 ngày tới, mực nước nội đồng vùng Thượng ở mức thấp và có xu thế giảm, mực nước vùng Giữa và vùng Ven Biển đều có xu thế giảm phổ biến xuống mức thấp. Chỉ riêng khu vực các trạm Vị Thanh và trạm Phụng Hiệp (Tp.

Cần Thơ), trạm Phước Long (tỉnh Cà Mau) trên vùng Giữa và trạm Cà Mau (tỉnh Cà Mau) trên vùng Ven Biển mực nước dự báo vẫn duy trì và biến đổi ở mức cao trên BĐIII nên nguy cơ vẫn tiếp tục xảy ra ngập úng trên các khu vực này trong các ngày tới.

4.2 Kiến nghị

Kiến nghị các địa phương trên vùng Giữa và vùng Ven Biển ĐBSCL có địa hình thấp trũng cần đề phòng và chủ động các phương án ứng phó với nguy cơ ngập úng vẫn có thể tiếp tục xảy ra trong các ngày tới. Đặc biệt trên địa bàn TP. Vị Thanh và huyện Phụng Hiệp thuộc tỉnh Hậu Giang (cũ), địa bàn huyện Phước Long và Tp. Cà Mau thuộc tỉnh Cà Mau (cũ).

Lũ đầu nguồn tiếp tục giảm xuống thấp, nên đến nay hầu như không ảnh hưởng đến sản xuất trên vùng Thượng ĐBSCL, nhưng triều và mưa lớn cục bộ vẫn có nguy cơ ảnh hưởng đến sản xuất và dân sinh trên các khu vực thấp trũng trên địa bàn các tỉnh vùng Giữa và vùng Ven Biển từ nay đến cuối mùa lũ. Vì vậy, để có các thông tin kịp thời nhằm chủ động các phương án ứng phó, kiến nghị các địa phương vùng ĐBSCL cần phải theo dõi chặt chẽ các thông tin dự báo từ các tổ chức như MRC, Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương, Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh, Dự báo nguồn nước vùng ĐBSCL của Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam... để kịp thời xây dựng kế hoạch ứng phó phù hợp.

Thông tin chi tiết liên hệ:

- | | | |
|---------------------|-----------------|---|
| - Chủ nhiệm dự báo: | Nguyễn Huy Khôi | - DD: 0913.106.641; Email: nhkhoihl@yahoo.com |
| - Dự báo viên: | Trần Mạnh Thứ | - DD: 0967.161.808; Email: manhthuwru@gmail.com |
| | Trần Đức Đông | - DD: 0989.872.205; Email: tranducdongvn@yahoo.com.vn |

Nơi nhận:

- Bộ NN&MT (để b/c);
- Trung tâm QH&ĐTTNNQG (để b/c);
- Cục QL&XDCTTL (để b/c);
- Sở NN&MT các tỉnh ĐBSCL;
- Chi cục Thủy lợi các tỉnh ĐBSCL;
- Phòng Kinh tế/Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị các xã/phường thuộc các tỉnh ĐBSCL;
- Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Miền Nam;
- Viện trưởng (để b/c);
- Lưu VPV (bộ phận Kế hoạch);
- Lưu P.KHCN&HTQT.

VIỆN TRƯỞNG